

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13/7/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Văn Đợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thái K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Vùng 02 Đ, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Cao Thị Thùy D, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/3/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Thái K trình bày:

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2007 anh K, chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không tôn trọng nhau. Do đó, anh, chị đã ly thân với nhau từ 04/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Cao Thị Thùy D.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Trần Xuân Q, sinh ngày 10/4/2008 và cháu Trần Hoàng Q, sinh ngày 17/11/2012. Khi ly hôn thì anh đồng ý

giao 02 cháu cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: anh K không có ý kiến hay yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Ngày 02/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của anh K.

2. Bị đơn chị Cao Thị Thuỳ D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo hòa giải đoàn tụ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị D nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Tại biên bản xác minh ngày 28/02/2020 thì chị Cao Thị Thuỳ D có đăng ký hộ khẩu tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tại thời điểm xác minh chị D vẫn đang có mặt tại địa phương.

3. Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị D thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Thái K. Anh Trần Thái K được ly hôn với chị Cao Thị Thuỳ D; Về con chung: Giao cháu Trần Xuân Q, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Trần Hoàng Q, sinh ngày 17/11/2012 cho chị Cao Thị Thuỳ D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về tài sản và công nợ: Không có; Về án phí: Anh Trần Thái K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Thái K yêu cầu ly hôn với chị Cao Thị Thuỳ D, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị Cao Thị Thuỳ D có địa chỉ cư trú tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Anh Trần Thái K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Cao Thị Thuỳ D được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định

hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về pháp luật nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị Thùy D và anh Trần Thái K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 19/10/2007. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau từ tháng 04/2018 nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, anh K thừa nhận chị không còn tình cảm với chị D, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh K và giải quyết cho anh Trần Thái K được ly hôn với chị Cao Thị Thùy D.

[5] Về con chung: Do chị D không đến Tòa án để làm việc, không đưa ra quan điểm đối với việc tranh chấp nuôi con chung, anh K không có yêu cầu giải quyết về con chung, qua xác minh thì hiện nay hai cháu đang sống chung với chị D. Do đó, cần giao cháu Trần Xuân Q, sinh ngày 10/4/2018 và cháu Trần Hoàng Q, sinh ngày 17/11/2012 cho chị Cao Thị Thùy D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Thái K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Cao Thị Thùy D không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không hợp tác làm việc nên không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Thái K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; Điều 56 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Thái K. Anh Trần Thái K được ly hôn với chị Cao Thị Thùy D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Xuân Q, sinh ngày 10/4/2008 và cháu Trần Hoàng Q, sinh ngày 17/11/2012 cho chị Cao Thị Thùy D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Thái K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Cao Thị Thùy D không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thái K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001960 ngày 13/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã An Nghiệp;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh

